

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 01 - 02 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 03 - 04 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 05 - 06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 07 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 08 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 09 - 32 |

12.31
CÔ
HN
KIẾT
D
T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 82.879.070.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| Họ tên | Chức danh |
|----------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Đức Quang | Chủ tịch |
| Ông Trần Tuyên Đức | Phó Chủ tịch |
| Ông Trần Anh Tuấn | Thành viên |
| Ông Đỗ Văn Hào | Thành viên |
| Ông Lê Hồng Phong | Thành viên |
| Ông Hoàng Hải Thịnh | Thành viên |
| Ông Đặng Nam Sơn | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| Họ tên | Chức danh |
|-------------------------|------------|
| Bà Mai Thị Thúy Mai | Trưởng ban |
| Ông Lê Phước Lộc | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Minh Huân | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ tên | Chức danh |
|------------------------|--|
| Ông Trần Anh Tuấn | Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Hải Thịnh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hà Thế Thập | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Hồng Phong | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Quốc Khánh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Việt Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Trung Dũng | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/07/2015) |
| Ông Phạm Thành Nam | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/04/2015) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

Số: 16.223HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Cuối năm | Đầu năm |
|--|--------------|-----------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 438.558.949.252 | 290.638.420.891 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | (5.1) | 17.554.131.683 | 17.140.596.821 |
| 1. Tiền | 111 | | 17.409.684.609 | 12.649.553.792 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 144.447.074 | 4.491.043.029 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 324.708.037.645 | 233.116.068.521 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | (5.2) | 224.332.800.601 | 213.990.323.318 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | (5.3) | 65.235.552.121 | 16.770.725.511 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | (5.4) | 37.647.147.559 | 4.111.136.094 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (2.507.462.636) | (1.756.116.402) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | (5.5) | 59.994.516.090 | 34.409.592.785 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 61.868.793.714 | 36.283.870.409 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.874.277.624) | (1.874.277.624) |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 36.302.263.834 | 5.972.162.764 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | (5.8) | 34.236.157.896 | 5.603.759.926 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.066.105.938 | 368.402.838 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 76.007.563.437 | 55.299.049.982 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 474.623.325 | 511.137.378 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | (5.4) | 474.623.325 | 511.137.378 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 63.442.279.993 | 42.961.225.825 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | (5.6) | 63.384.776.582 | 42.950.311.018 |
| + Nguyên giá | 222 | | 114.315.384.065 | 76.888.671.285 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (50.930.607.483) | (33.938.360.267) |
| 2. TSCĐ vô hình | 227 | (5.7) | 57.503.411 | 10.914.807 |
| + Nguyên giá | 228 | | 1.341.223.555 | 1.269.840.011 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.283.720.144) | (1.258.925.204) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 189.342.393 | |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 189.342.393 | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 11.901.317.726 | 11.826.686.779 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | (5.8) | 11.693.678.059 | 11.619.047.112 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 207.639.667 | 207.639.667 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 514.566.512.689 | 345.937.470.873 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Th. minh | Cuối năm | Đầu năm |
|---|------------|----------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 410.282.390.931 | 247.891.155.719 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 403.398.290.300 | 245.729.310.028 |
| 1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn | 311 | (5.10) | 185.415.514.987 | 142.101.493.016 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | (5.11) | 71.244.473.871 | 9.205.411.365 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | (5.12) | 8.738.591.587 | 7.368.039.415 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | (5.13) | 5.006.983.420 | 4.315.822.000 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | (5.14) | 11.027.914.309 | 3.990.624.990 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | (5.16) | 4.920.184.534 | 5.568.285.342 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | (5.15) | 3.316.676.161 | 1.826.943.177 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | (5.9) | 113.727.951.431 | 71.352.690.723 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 6.884.100.631 | 2.161.845.691 |
| 1. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | (5.14) | 1.239.101.631 | 1.187.145.065 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | (5.9) | 5.644.999.000 | 974.700.626 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 104.284.121.758 | 98.046.315.154 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | (5.17.1) | 104.284.121.758 | 98.046.315.154 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | (5.17.2) | 82.879.070.000 | 80.000.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 82.879.070.000 | 80.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | | 1.123.900 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | | (3.963.240.000) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 136.338.550 | 1.710.667.069 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 13.792.068.052 | 13.791.496.428 |
| + LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | (420.645.801) | |
| + LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 14.212.713.853 | 13.791.496.428 |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 7.476.645.156 | 6.506.267.757 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 514.566.512.689 | 345.937.470.873 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THU HIỀN

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|----------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 727.556.983.409 | 542.992.604.483 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 182.001.608 | 309.361.152 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | (6.1) | 727.374.981.801 | 542.683.243.331 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | (6.2) | 600.873.704.717 | 449.293.197.623 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 126.501.277.084 | 93.390.045.708 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 934.200.479 | 658.894.100 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | (6.3) | 12.534.668.610 | 7.555.855.650 |
| <i>trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | 10.346.681.352 | 7.299.696.804 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | (6.4) | 47.783.239.922 | 26.678.853.372 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | (6.5) | 53.690.688.168 | 50.587.099.199 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 13.426.880.863 | 9.227.131.587 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | (6.6) | 4.636.288.266 | 4.232.677.204 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 72.558.137 | 2.692.993 |
| 12. Lợi nhuận khác | 40 | | 4.563.730.129 | 4.229.984.211 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 17.990.610.992 | 13.457.115.798 |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | (6.8) | 4.021.846.388 | 2.975.455.697 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | 249.220.706 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 13.968.764.604 | 10.232.439.395 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 13.631.387.205 | 9.547.574.799 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 337.377.399 | 684.864.596 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | (5.17.5) | 1.653 | 1.158 |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | (5.17.5) | 1.653 | 1.158 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THU HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

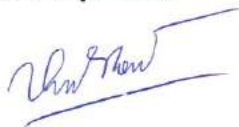
| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|----------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 838.624.027.886 | 540.150.450.252 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | | (756.778.878.730) | (489.839.267.192) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (45.643.130.244) | (35.370.180.799) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (10.063.914.063) | (6.946.015.885) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (3.132.255.079) | (1.809.384.846) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 39.065.639.385 | 15.485.130.307 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (63.832.883.206) | (7.440.460.118) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (1.761.394.051) | 14.230.271.719 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (37.911.315.666) | (10.269.328.285) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 100.000.000 | 1.545.454 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 363.407.318 | 358.154.391 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (37.447.908.348) | (9.909.628.440) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 850.000.000 | |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | (7.1) | 425.301.891.937 | 195.789.579.362 |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (7.2) | (378.568.890.626) | (208.650.593.597) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (7.960.164.050) | (3.856.230.900) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 39.622.837.261 | (16.717.245.135) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | | 413.534.862 | (12.396.601.856) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 17.140.596.821 | 29.537.198.677 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | (5.1) | 17.554.131.683 | 17.140.596.821 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THU HIỀN

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 09 năm 2015.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 là 82.879.070.000 VND (bao gồm cả cổ phiếu quỹ), được chi tiết như sau:

| Nhà đầu tư | Cuối năm | | Đầu năm | | VND |
|------------------|------------------------------|--------------------|------------------------------|--------------------|-----|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ | |
| Cổ đông sáng lập | 45.064.400.000 | 54% | 44.973.080.000 | 56% | |
| Cổ đông khác | 37.814.670.000 | 46% | 35.026.920.000 | 44% | |
| Cổ phiếu quỹ | - | - | (3.963.240.000) | - | |
| Cộng | <u>82.879.070.000</u> | <u>100%</u> | <u>76.036.760.000</u> | <u>100%</u> | |

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 15, Tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 255 (31/12/2014: 215).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo công nghệ. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty con</u> | <u>Địa chỉ</u> | <u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u> |
|------------|---|---|--|-------------------------------------|
| 1. | Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu | Gian hàng số T3-B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, số 92, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | 69% | 69% |
| 2. | Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đầu | Tầng 8, Tòa nhà Loyal, số 151 đường Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh | 74% | 83% |

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Nhóm công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

4.2 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Nhóm công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho tại Nhóm công ty được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Tiền thuê đất tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được phân bổ theo thời hạn thuê trong 30 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | Năm 2015 |
|----------------------------------|-----------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 2 – 8 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.11 Thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động

Thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Nhóm công ty.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.12 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.13 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

4.17 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.18 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.21 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.22 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.25 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

| | |
|--|-----|
| ▪ Phần mềm tin học | 0% |
| ▪ Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan | 0% |
| ▪ Doanh thu thiết bị và hàng hóa | 10% |
| ▪ Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.26 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.27 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Nhóm công ty đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

| | VND | |
|-----------------------------------|------------------|---------------------------|
| | Đầu năm | Đầu năm |
| | Được báo cáo lại | Đã được báo cáo trước đây |
| Phải thu ngắn hạn khác | 4.111.136.094 | 364.078.498 |
| Tài sản ngắn hạn khác | - | 3.747.057.596 |
| Phải thu dài hạn khác | 511.137.378 | - |
| Tài sản dài hạn khác | - | 511.137.378 |
| Tài sản cố định vô hình | 10.914.807 | 9.459.231.790 |
| + Nguyên giá | 1.269.840.011 | 12.215.293.767 |
| + Hao mòn lũy kế | (1.258.925.204) | (2.756.061.977) |
| Chi phí trả trước dài hạn | 11.619.047.112 | 2.170.730.129 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 3.990.624.990 | 5.177.770.055 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 5.568.285.342 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 1.826.943.177 | 7.395.228.519 |
| Chi phí phải trả dài hạn | 1.187.145.065 | - |
| Quỹ dự phòng tài chính | - | 1.360.788.841 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 1.710.667.069 | 349.878.228 |

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích):

| | VND | |
|--------------------------|------------------|---------------------------|
| | Năm trước | Năm trước |
| | Được báo cáo lại | Đã được báo cáo trước đây |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.152 | 1.256 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | VND | |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Tiền mặt | 891.024.163 | 616.899.206 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 16.518.660.446 | 12.032.654.586 |
| Các khoản tương đương tiền | 144.447.074 | 4.491.043.029 |
| Cộng | <u>17.554.131.683</u> | <u>17.140.596.821</u> |

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Phải thu của khách hàng

| | VND | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao | 47.571.328.706 | 43.061.788.278 |
| Cục Công Nghệ Thông Tin | 21.813.890.700 | - |
| Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Hải Thạch | - | 22.884.152.489 |
| Các khách hàng khác | 154.947.581.195 | 148.044.382.551 |
| Cộng | <u>224.332.800.601</u> | <u>213.990.323.318</u> |

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | VND | |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Công ty TNHH Kỹ Thuật Tự Động Cửu Long | 32.814.376.320 | - |
| Công ty CP Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam | 20.447.224.654 | - |
| F5 Networks Inc | 182.160.000 | 8.447.656.771 |
| Công ty Cổ phần Cung cấp Giải pháp và Dịch vụ Công nghệ cao Việt nam | - | 2.063.298.431 |
| Công ty CP Tích hợp Hệ thống Quốc gia ADG | - | 1.834.023.492 |
| Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Thương mại Thái Minh | - | 1.816.110.800 |
| Các nhà cung cấp khác | 11.791.791.147 | 2.609.636.017 |
| Cộng | <u>65.235.552.121</u> | <u>16.770.725.511</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.4. Phải thu khác

| | VND | | | |
|-------------------------|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Cuối năm | | Đầu năm | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Phải thu người lao động | 2.116.814.971 | - | 1.930.998.574 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 31.297.382.295 | - | 1.816.059.022 | - |
| Phải thu khác | 4.232.950.293 | - | 364.078.498 | - |
| Cộng | 37.647.147.559 | - | 4.111.136.094 | - |
| Dài hạn: | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 474.623.325 | - | 511.137.378 | - |
| Cộng | 474.623.325 | - | 511.137.378 | - |

5.5. Hàng tồn kho

| | VND | | | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Cuối năm | | Đầu năm | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng tại kho Công ty | 49.417.675.118 | 1.874.277.624 | 4.582.743.691 | 1.874.277.624 |
| Hàng đã xuất kho triển khai | 11.542.859.799 | - | 31.102.126.733 | - |
| Kho theo dõi hàng cho thuê | 49.244.921 | - | 66.956.150 | - |
| Kho theo dõi hàng Hà Nội | 328.992.814 | - | 113.832.531 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 325.876.801 | - | 376.151.725 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 204.144.261 | - | 42.059.579 | - |
| Cộng | 61.868.793.714 | 1.874.277.624 | 36.283.870.409 | 1.874.277.624 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá: | | | | | VND |
| Số dư đầu năm | 15.138.594.055 | 41.062.206.113 | 20.387.376.117 | 300.495.000 | 76.888.671.285 |
| Mua trong năm | - | 38.525.409.099 | 1.508.222.432 | 82.839.423 | 40.116.470.954 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (2.436.658.160) | (253.100.014) | - | (2.689.758.174) |
| Số dư cuối năm | 15.138.594.055 | 77.150.957.052 | 21.642.498.535 | 383.334.423 | 114.315.384.065 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.484.705.382 | 21.779.519.735 | 6.093.133.174 | 347.904.348 | 33.938.360.267 |
| Khấu hao trong năm | 1.013.381.623 | 15.315.447.611 | 2.777.695.798 | 93.820.961 | 19.200.345.993 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.954.998.763) | (253.100.014) | - | (2.208.098.777) |
| Số dư cuối năm | 4.498.087.005 | 35.139.968.583 | 11.040.874.278 | 251.677.617 | 50.930.607.483 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 11.653.888.673 | 19.282.686.378 | 11.871.097.623 | 142.638.344 | 42.950.311.018 |
| Tại ngày cuối năm | 10.640.507.050 | 42.010.988.469 | 10.601.624.257 | 131.656.806 | 63.384.776.582 |

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 30.191.147.215 VND – Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.421.976.530 VND;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Phần mềm quản lý | Số đầu năm | Tăng | Giảm | VND | |
|------------------------|--------------------------|--------------|------|--------------------------|--|
| | | | | Số cuối năm | |
| Nguyên giá | 1.269.840.011 | 71.383.544 | - | 1.341.223.555 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | (1.258.925.204) | (24.794.940) | - | (1.283.720.144) | |
| Giá trị còn lại | <u>10.914.807</u> | | | <u>57.503.411</u> | |

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.269.840.011 VND.

5.8. Chi phí trả trước

| | VND | |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Ngắn hạn: | | |
| Chi phí chờ phân bổ cho các dự án đang triển khai | 34.006.622.423 | 5.148.146.123 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 76.721.976 | 455.613.803 |
| Các khoản khác | 152.813.497 | - |
| Cộng | <u>34.236.157.896</u> | <u>5.603.759.926</u> |
| Dài hạn: | | |
| Quyền sử dụng đất | 9.070.887.544 | 9.448.316.983 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 1.719.177.978 | 1.908.116.012 |
| Các khoản khác | 903.612.537 | 262.614.117 |
| Cộng | <u>11.693.678.059</u> | <u>11.619.047.112</u> |

Trong đó, quyền sử dụng đất tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của công ty mẹ đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 9.070.887.544 đồng – Xem thêm mục 5.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

| | Cuối năm | | Trong năm | | Đầu năm | | VND |
|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | |
| Vay ngắn hạn: | | | | | | | |
| Vay ngân hàng | 101.588.686.178 | 101.588.686.178 | 355.442.720.827 | 307.277.311.066 | 53.423.276.417 | 53.423.276.417 | |
| Vay đối tượng khác | 5.584.560.627 | 5.584.560.627 | 56.158.057.771 | 66.545.500.000 | 16.072.002.856 | 16.072.002.856 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 6.554.704.626 | 6.554.704.626 | 6.554.704.626 | 1.857.411.450 | 1.857.411.450 | 1.857.411.450 | |
| Cộng | 113.727.951.431 | 113.727.951.431 | 418.155.483.224 | 375.680.222.516 | 71.352.690.723 | 71.352.690.723 | |
| Vay dài hạn: | | | | | | | |
| Vay ngân hàng | 11.225.003.000 | 11.225.003.000 | 13.950.000.000 | 2.724.997.000 | - | - | |
| Vay đối tượng khác | 974.700.626 | 974.700.626 | - | 1.857.411.450 | 2.832.112.076 | 2.832.112.076 | |
| Trừ nợ dài hạn đến hạn trả | (6.554.704.626) | (6.554.704.626) | (6.554.704.626) | (1.857.411.450) | (1.857.411.450) | (1.857.411.450) | |
| Cộng | 5.644.999.000 | 5.644.999.000 | 7.395.295.374 | 2.724.997.000 | 974.700.626 | 974.700.626 | |
| Tổng cộng | 119.372.950.431 | 119.372.950.431 | 425.550.778.598 | 378.405.219.516 | 72.327.391.349 | 72.327.391.349 | |

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất thả nổi từ 8%/năm đến 9,7%/năm đối với VND và các khoản vay ngân hàng dài hạn với thời hạn 3 năm và chịu lãi suất từ 6,8%/năm đến 8,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U12b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 10.640.507.050 đồng và 9.070.887.544 đồng – Xem thêm mục 5.6 và mục 5.8.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 83B Đường Trần Kế Xương, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 43 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Nhóm công ty và khách hàng.
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay.
- Sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.
- Tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng với giá trị còn lại là 19.550.640.165 đồng – Xem thêm mục 5.6.

Vay đối tượng khác là các khoản vay dưới hình thức tín chấp, thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 9%/năm đến 11%/năm bằng VND và 6,5%/năm bằng USD.

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Cuối năm | | Đầu năm | | VND |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | |
| Công ty TNHH Azbil Việt nam | 40.375.898.862 | 40.375.898.862 | 4.948.827.730 | 4.948.827.730 | |
| Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd | 24.566.071.853 | 24.566.071.853 | 29.810.324.114 | 29.810.324.114 | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Elite | 2.609.739.278 | 2.609.739.278 | 16.917.083.696 | 16.917.083.696 | |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 117.863.804.994 | 117.863.804.994 | 90.425.257.476 | 90.425.257.476 | |
| Cộng | 185.415.514.987 | 185.415.514.987 | 142.101.493.016 | 142.101.493.016 | |

5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | VND | |
|--|-----------------------|----------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Công ty Cổ phần Đầu Tư Đèo Cả | 32.834.213.620 | - |
| Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Biển | 11.686.078.905 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch | 10.000.000.000 | - |
| Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á | 9.542.618.000 | - |
| Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam | - | 2.154.256.709 |
| Công ty Cổ phần Truyền thông ITCOM | - | 1.921.883.700 |
| Công ty Cổ Phần Thương Mại Quốc Tế Và Dịch Vụ Đại Siêu Thị Big C Hải Phòng | - | 1.300.761.990 |
| Công ty TNHH Liên Doanh Sun Ivy | 1.030.119.552 | 1.030.119.552 |
| Các khách hàng khác | 6.151.443.794 | 2.798.389.414 |
| Cộng | 71.244.473.871 | 9.205.411.365 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | VND | | | |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Cuối năm |
| Phải nộp: | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 4.224.617.127 | 33.958.787.107 | 34.333.196.247 | 3.850.207.987 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 239.336 | 16.308.667 | 16.486.442 | 61.561 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.868.407.926 | 4.021.846.388 | 3.132.255.079 | 3.757.999.235 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 274.775.026 | 3.313.740.974 | 2.458.193.196 | 1.130.322.804 |
| Khác | - | 12.600.000 | 12.600.000 | - |
| Cộng | <u>7.368.039.415</u> | <u>41.323.283.136</u> | <u>39.952.730.964</u> | <u>8.738.591.587</u> |

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 và thưởng năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

5.14. Chi phí phải trả

| | VND | |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Ngắn hạn: | | |
| Trích trước chi phí tương ứng với doanh thu dự án đã thực hiện | 10.837.459.555 | 3.694.968.608 |
| Phải trả truyền hình cáp | 14.235.358 | 14.126.074 |
| Chi phí phải trả khác | 176.219.396 | 281.530.308 |
| Cộng | <u>11.027.914.309</u> | <u>3.990.624.990</u> |
| Dài hạn: | | |
| Phải trả cho chủ đầu tư tòa nhà | 1.239.101.631 | 1.187.145.065 |
| Cộng | <u>1.239.101.631</u> | <u>1.187.145.065</u> |

5.15. Phải trả ngắn hạn khác

| | VND | |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Kinh phí công đoàn | 975.054.329 | 752.650.096 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 449.000.000 | 327.000.000 |
| Mượn tiền | 100.000.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.792.621.832 | 747.293.081 |
| Cộng | <u>3.316.676.161</u> | <u>1.826.943.177</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.16. Doanh thu chưa thực hiện

Trong đó, doanh thu chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet cho khách hàng theo hợp đồng số 10. (DNG8b-DC) ngày 25/08/2012 giữa Công ty và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng có số tiền là 4.460.000.000 đồng.

(Xem trang tiếp theo)

18/11/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | | | Tổng cộng |
|---------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------|
| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | |
| Số dư đầu năm trước | 80.000.000.000 | 1.123.900 | (3.963.240.000) | 1.505.552.837 | 8.250.873.861 | 5.821.403.161 | |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 9.547.574.799 | 684.864.596 | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (3.801.838.000) | - | |
| Trích lập quỹ | - | - | - | 205.114.232 | (205.114.232) | - | |
| Số dư đầu năm nay | 80.000.000.000 | 1.123.900 | (3.963.240.000) | 1.710.667.069 | 13.791.496.428 | 6.506.267.757 | |
| Tăng vốn trong năm nay | 2.879.070.000 | (1.123.900) | - | (1.710.667.069) | (1.167.279.031) | 850.000.000 | |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 13.631.387.205 | 337.377.399 | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (8.363.958.000) | (217.000.000) | |
| Trích lập quỹ | - | - | - | 136.338.550 | (136.338.550) | - | |
| Tăng/giảm khác | - | - | 3.963.240.000 | - | (3.963.240.000) | - | |
| Số dư cuối năm nay | 82.879.070.000 | - | - | 136.338.550 | 13.792.068.052 | 7.476.645.156 | |
| | | | | | | 104.284.121.758 | |

Theo nghị quyết 06/NQ-DHCGĐ 2015 ngày 18/04/2015, Nhóm công ty đã phân phối cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo tỷ lệ 5,21%. Ngoài ra, Nhóm công ty đã tăng vốn đầu tư chủ sở hữu với số tiền 2.879.070.000 đồng từ các nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | VND | |
|------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Cổ đông sáng lập | 45.064.400.000 | 44.973.080.000 |
| Cổ đông khác | 37.814.670.000 | 35.026.920.000 |
| Cổ phiếu quỹ | - | (3.963.240.000) |
| Cộng | <u>82.879.070.000</u> | <u>76.036.760.000</u> |

5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | VND | |
|----------------------------|----------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | | |
| Vốn góp đầu năm | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | 2.879.070.000 | - |
| Vốn góp cuối năm | 82.879.070.000 | 80.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 8.363.958.000 | 3.801.838.000 |

5.17.4. Cổ phiếu

| | VND | |
|---|-----------|-----------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 8.287.907 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 8.287.907 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | 396.324 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 8.287.907 | 7.603.676 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | VND | |
|---|---------------------|---------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ | 13.631.387.205 | 9.547.574.799 |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm | 8.287.907 | 8.287.907 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và Lãi suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.645</u> | <u>1.152</u> |

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------|----------|-----------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 8.787,69 | 11.398,18 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | VND | |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán hàng | 581.606.041.771 | 450.147.799.488 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 144.551.248.012 | 91.602.771.492 |
| Doanh thu khác | 1.399.693.626 | 1.242.033.503 |
| Hàng bán trả lại | (182.001.608) | (309.361.152) |
| Doanh thu thuần | <u>727.374.981.801</u> | <u>542.683.243.331</u> |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | VND | |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn bán hàng | 467.521.262.043 | 389.128.714.068 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 132.117.679.948 | 59.417.733.945 |
| Khác | 1.234.762.726 | 746.749.610 |
| Tổng cộng | <u>600.873.704.717</u> | <u>449.293.197.623</u> |

6.3. Chi phí tài chính

| | VND | |
|------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 10.158.861.915 | 7.299.696.804 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 2.335.888.899 | 233.364.258 |
| Chi phí tài chính khác | 39.917.796 | 22.794.588 |
| Tổng cộng | <u>12.534.668.610</u> | <u>7.555.855.650</u> |

6.4. Chi phí bán hàng

| | VND | |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lương nhân viên | 16.628.865.919 | 11.720.727.797 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 483.282.850 | 803.511.882 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13.761.637.170 | 6.603.651.692 |
| Chi phí bảo hành | 121.442.432 | 444.634.017 |
| Chi phí Pre-sales | 1.616.424.331 | 1.213.844.101 |
| Chi phí phát hành, gia hạn thư bảo lãnh | 5.966.022.412 | 819.700.517 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.379.877.974 | 1.469.301.995 |
| Chi phí bằng tiền khác | 7.825.686.834 | 3.603.481.371 |
| Tổng cộng | <u>47.783.239.922</u> | <u>26.678.853.372</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | VND | |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 36.944.577.213 | 32.825.630.387 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.407.679.348 | 1.591.828.775 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.511.704.075 | 4.461.908.635 |
| Thuế, phí và lệ phí | 5.675.000 | 5.200.000 |
| Chi phí dự phòng | 845.264.674 | 500.902.380 |
| Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng | 2.978.482.067 | 2.721.654.929 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.116.946.706 | 4.992.205.012 |
| Chi phí bằng tiền khác | 3.880.359.085 | 3.487.769.081 |
| Tổng cộng | <u>53.690.688.168</u> | <u>50.587.099.199</u> |

6.6. Thu nhập khác

| | VND | |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 45.813.834 | 1.818.181 |
| Thu nhập khác | 4.590.474.432 | 4.230.859.023 |
| Tổng cộng | <u>4.636.288.266</u> | <u>4.232.677.204</u> |

6.7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

| | VND | |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 911.836.015 | 1.053.564.863 |
| Chi phí nhân công | 53.625.668.532 | 44.546.358.184 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 19.996.766.930 | 13.499.177.030 |
| Chi phí dự phòng | 845.264.674 | 500.902.380 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 99.257.414.542 | 135.833.724.137 |
| Chi phí khác bằng tiền | 15.616.160.938 | 10.699.218.567 |
| Tổng cộng | <u>190.253.111.631</u> | <u>206.132.945.161</u> |

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Nhóm công ty với thuế suất TNDN là 22% đối với tất cả các công ty trong Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong năm

| | VND | |
|---|-----------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 425.301.891.937 | 195.789.579.362 |

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | VND | |
|--|-----------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 378.568.890.626 | 208.650.593.597 |

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Nhóm công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty cung cấp, hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Nhóm công ty chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Nhóm công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm công ty hoàn toàn tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Nhóm công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

| <u>Danh sách các bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu | Công ty con |
| 2. Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu | Công ty con |
| 3. Ông Trần Anh Tuấn | Tổng Giám đốc |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc như sau:

| | VND | |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thù lao Hội đồng quản trị của Công ty | 623.220.000 | 654.765.000 |
| Thu nhập Tổng Giám đốc của Công ty | 984.183.048 | 833.803.454 |
| Tổng cộng | <u>1.607.403.048</u> | <u>1.488.568.454</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Nhóm công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HIỀN

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TRẦN ANH TUẤN